



# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN

## BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN SOCEN

Khu vực áp dụng: Toàn quốc

(Hiệu lực từ ngày 08/04/2026 đến khi có thông báo giá mới)

Địa chỉ: Đường 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

WRAS CE ACS EAC ISO 9001 UL FM EN1074-2

STT	TÊN SP	Van công ty chìm nắp chụp	Van công ty chìm tay quay	Van công ty nổi tay quay	Van công tín hiệu	Van bướm tay gạt (đĩa gang)	Van bướm tay gạt (đĩa inox)	Van bướm tay quay (đĩa gang)	Van bướm tay quay (đĩa inox)	Van bướm tay quay mặt bích (đĩa gang)	Van bướm tay quay mặt bích (đĩa inox)	Van 1 chiều cánh bướm (đĩa inox)
DN												
1	50	1,760,000	1,888,700	2,563,000	3,245,000	781,600	797,500	1,315,200	1,342,000	1,845,600	1,883,200	458,700
2	65	2,101,000	2,222,000	3,085,500	3,748,800	941,100	960,300	1,474,700	1,504,800	2,166,800	2,211,000	594,000
3	80	2,565,200	2,744,500	3,751,000	4,903,800	1,094,200	1,116,500	1,627,800	1,661,000	2,355,400	2,403,500	871,200
4	100	3,065,700	3,291,200	4,902,700	6,017,000	1,536,200	1,567,500	2,053,600	2,095,500	2,993,700	3,054,700	1,151,700
5	125	4,573,800	4,799,300	7,029,000	8,275,300	2,069,800	2,112,000	2,587,200	2,640,000	3,629,700	3,703,700	1,514,700
6	150	5,428,500	5,799,200	8,272,000	9,784,500	2,800,600	2,857,800	3,323,400	3,391,300	4,520,000	4,612,300	2,015,200
7	200	8,786,800	9,232,300	12,265,000	13,895,200	-	-	5,296,200	5,404,300	6,875,400	7,015,800	3,379,200
8	250	12,213,300	12,833,700	16,518,700	18,516,300	-	-	7,538,400	7,692,300	10,442,600	10,655,700	5,756,300
9	300	16,590,200	17,209,500	23,499,300	26,539,700	-	-	10,621,500	10,838,300	13,688,400	13,967,800	8,258,800
10	350	20,504,000	21,285,000	29,311,700	33,432,300	-	-	15,280,700	15,592,500	21,074,900	21,505,000	13,013,000
11	400	36,679,500	37,705,800	45,518,000	56,719,300	-	-	25,093,600	25,605,800	33,555,000	34,239,700	17,955,300
12	450	53,996,800	55,151,800	66,577,500	-	-	-	29,717,300	30,323,700	37,566,100	38,332,800	27,778,300
13	500	65,893,300	67,177,000	81,092,000	-	-	-	41,427,500	42,273,000	46,990,000	47,949,000	33,660,000
14	600	98,256,400	99,478,500	126,089,700	-	-	-	70,181,000	71,613,300	79,658,800	81,284,500	53,053,000

STT	TÊN SP	Y lọc	Van 1 chiều lá lật	Van 1 chiều lò xo	Van hút	Van búa nước	Van an toàn	Van giảm áp	Van phao	Van chống va	Van xả khí đơn	Van xả khí đơn mặt bích
DN												
1	15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	737,000	-
1	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	737,000	-
1	25	-	-	-	-	-	-	-	-	-	737,000	-
1	50	1,251,800	1,316,700	1,320,000	2,313,300	-	9,556,800	8,654,800	5,887,200	12,309,000	-	1,746,600
2	65	1,663,200	1,534,500	1,631,300	2,425,500	-	10,285,000	9,397,300	6,669,300	13,247,300	-	2,251,600
3	80	2,051,500	2,076,800	2,208,800	2,989,800	2,570,700	11,704,000	10,644,700	8,181,800	15,075,500	-	2,558,600
4	100	3,215,300	2,772,000	2,731,300	3,567,300	2,926,000	13,669,700	12,620,300	10,029,800	17,036,800	-	3,139,800
5	125	4,246,000	4,221,800	3,498,000	4,444,000	4,385,700	14,864,300	13,645,500	11,112,200	18,529,500	-	-
6	150	5,478,000	5,131,500	4,361,500	5,703,500	4,897,200	22,330,000	20,410,500	17,396,500	26,147,000	-	-
7	200	8,448,000	10,089,200	6,902,500	8,500,800	6,781,500	37,634,300	35,018,500	32,843,800	44,066,000	-	-
8	250	12,895,300	16,159,000	9,751,500	11,575,300	-	54,915,300	49,546,200	50,605,500	70,730,000	-	-
9	300	19,627,300	24,480,500	13,681,800	16,170,000	-	87,562,200	79,978,800	75,028,800	120,835,000	-	-
10	350	24,401,300	29,092,800	26,028,200	29,279,800	-	129,442,500	119,881,300	113,923,700	-	-	-
11	400	48,919,200	46,636,700	65,469,800	37,997,300	-	201,217,500	187,806,300	181,133,700	-	-	-
12	450	64,243,300	59,595,800	79,513,500	47,061,300	-	232,650,000	218,075,000	210,925,000	-	-	-
13	500	80,703,700	63,673,500	99,390,500	67,735,800	-	322,369,300	303,278,800	294,937,500	-	-	-
14	600	109,486,300	113,479,300	131,710,700	142,153,000	-	411,295,500	388,912,700	380,570,300	-	-	-



STT	TÊN SP	Khớp nối mềm cao su 1 cầu	Khớp nối BB	Khớp nối EE	Khớp nối BE	Mặt bích thép	Mặt bích thép mù	Van bướm tín hiệu (đĩa inox)	Van bướm động cơ điện loại tuyến tính	Van bướm động cơ điện loại on/off	Van bi mặt bích	Van bảo động
	DN											
1	50	748,000	-	-	-	205,700	266,400	1,878,800	14,192,200	-	-	-
2	65	827,200	-	-	-	282,700	322,500	2,106,500	14,434,200	-	3,806,000	9,553,500
3	80	932,800	-	-	-	300,300	420,600	2,324,300	16,625,400	-	5,049,000	10,006,700
4	100	1,129,700	2,207,600	1,041,500	865,200	327,800	490,700	2,829,200	22,591,800	-	6,622,000	10,384,000
5	125	1,501,500	-	-	-	487,300	729,000	3,564,000	23,402,500	-	-	12,972,300
6	150	2,181,300	3,265,300	1,448,200	1,300,000	572,000	883,300	4,407,700	24,511,300	-	-	13,119,700
7	200	3,176,800	4,214,500	2,166,900	1,922,900	830,500	1,247,800	7,026,800	27,843,200	17,193,000	26,235,000	17,608,800
8	250	4,422,000	5,692,500	3,400,900	2,966,900	-	-	9,999,000	-	-	48,086,000	30,368,800
9	300	6,079,700	7,943,500	4,106,000	3,726,300	-	-	14,091,000	-	-	-	42,845,000
10	350	10,238,800	-	-	-	-	-	18,619,700	-	-	-	-
11	400	14,283,500	-	-	-	-	-	29,249,000	-	-	-	-
12	450	20,352,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	500	24,972,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	600	44,558,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	TÊN SP	Van xả tràn	Trụ cứu hỏa không đế	Trụ cứu hỏa có đế	Trụ tiếp nước	Trụ chữa cháy ngoài nhà	Van góc kèm giảm áp	Van góc chữa cháy	Van góc điều áp	Trụ âm	Lăng phun chữa cháy	Cuộn vòi chữa cháy 20m
	DN											
1	50	-	-	-	-	-	2,937,000	445,500	931,700	-	-	-
2	65	15,224,000	-	-	-	-	3,850,000	594,000	1,196,800	-	128,700	953,700
3	80	16,478,000	-	-	-	-	-	-	-	3,259,300	168,300	1,215,500
4	100	19,121,300	10,010,000	14,300,000	4,838,000	4,554,200	-	-	-	3,736,700	-	-
5	125	23,017,500	10,486,300	14,776,300	-	-	-	-	-	-	-	-
6	150	25,715,800	10,725,000	15,491,300	8,601,200	7,069,000	-	-	-	-	-	-
7	200	31,914,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	250	61,497,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	300	89,408,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển.
- Thuế VAT 10%.

TP. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2026  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**TRƯƠNG TẤN ĐẠT**

M.S.D.N: 3500786179  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HOA SEN**  
 P. PHU MỸ - TP. HỒ CHÍ MINH

